

Bản án số: 553/2017/HS-PT

Ngày 13 - 10 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trí Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành.

Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Như Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 337/2017/HSPT ngày 06 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo Đàm Văn K và đồng phạm phạm tội "Giết người" do có kháng cáo của đại diện hợp pháp bị cáo Điều T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HSST ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Bị cáo: Điều T, sinh ngày 09/3/2000 tại tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: S'Tiêng; Tôn giáo: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp 6, xã B1, huyện B2, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Điều U (đã chết năm 2012) và bà Thị Y (đã chết năm 2003); Bị cáo chưa có vợ, con. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 06/6/2016 cho đến nay (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Điều T: Luật sư Hán Ngọc H, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Điều T:

1. Ông Điều P (anh họ của bị cáo), sinh năm 1979 (có mặt).

2. Ông Điều C (anh trai bị cáo), sinh năm 1996 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã Đường 10, huyện B2, tỉnh Bình Phước.

(Trong vụ án còn có các bị cáo Đàm Văn T1, Đàm Văn K, Nguyễn Tiến Đ, Hoàng Văn H và Điều C1, những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước và bản án hình sự của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 16/4/2016, ông Nguyễn Thanh S tổ chức đám cưới cho con là chị Nguyễn Thị Huyền T2 tại gia đình thuộc thôn N1, xã N2, huyện B2, tỉnh Bình Phước. Trong số những người đến dự đám cưới có chị Mông Thị H1 chụp ảnh, thì bị anh Nguyễn Văn T3 nói: “Nhìn giống bà già”. Đàm Văn K và chị Hoàng Thị T4 nhìn thấy chị H1 giận dữ nên hỏi xem có chuyện gì? Chị H1 kể lại sự việc xảy ra. Cùng lúc đó, T3 chạy xe mô tô đi đến, K nói: “Anh ơi chạy từ từ thôi”, còn chị T4 yêu cầu T3 phải xin lỗi chị H1. T3 không xin lỗi, mà tiếp tục chọc ghẹo chị H1 là “già thật mà”, nên K xông vào đánh T3. T3 dùng hai tay bóp cổ K, K lấy con dao từ trong túi quần ra đâm T3, nhưng được mọi người can ngăn và anh Trần Văn D chở T3 đến quán cà phê của chị Hoàng Thị H2 tại thôn N3, xã N2, huyện B2, tỉnh Bình Phước nằm nghỉ.

Vì lý do trên, K gọi điện thoại cho anh ruột là Đàm Văn T1 nhờ đánh T3, thì T1 đồng ý. T1 điện thoại cho Điều C1 và nói: “Em tao bị đánh trên Đàng Lang, mày có thể giúp em tao một chút được không?”, C1 đồng ý và nói T1 đến quán “Dê núi Ninh Bình” gần chợ N2 nơi C1 đang cùng với Điều T, Điều N, Điều H3, Võ Duy T5 (tên gọi khác là Nh), Dương Đức T6, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1999, Thị O, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2000 đang ngồi uống rượu. Bàn bên cạnh còn có Nguyễn Tiến Đ, Ngô Viết D1, Nguyễn Thành L1, Nguyễn Ngọc Đ1 và Lê Hoàng L2 cũng đang uống rượu.

T1 tiếp tục điện thoại nhờ bạn là Hoàng Văn H đi đánh T3, rồi điều khiển xe mô tô đến quán lẩu dê. Trương Quang H4 đang ngồi uống nước bên đường cùng với Đặng Văn H5, Cao Văn L3 và Hoàng Minh G nhìn thấy T1 chạy xe ngang qua, liền gọi điện thoại cho T1. T1 rủ H4 lên quán lẩu dê để nhờ tý việc.

Khi T1 đến quán lẩu dê gặp Đ, D1 đi ra đứng trước quán, T1 nói “thằng K em của em bị đánh trên đám cưới ở Đàng Lang”. D1 hỏi T1 có phải K bị đánh hay không? T1 nói “ừ”. Đ nói với D1 “bạn có xe, chở tôi đi xem nó sao rồi đưa nó về”, D1 đồng ý đi vào bàn nói với mọi người “tao uống một ly rồi chở thằng Đ đi có tý việc lát về”. Đ cũng đi vào bàn nói với mọi người “tụi mày ngồi đây tao đi có tý việc”. T1 đi vào bàn của C1 nói “tao với mày đi lên Đàng Lang coi em tao sao rồi”, C1 rủ T đi giúp T1, T đồng ý. T rủ T5 đi lên Đàng Lang giúp T1, T5 cũng đồng ý. T1 cầm 01 ly rượu đứng lên uống chào mọi người, rồi cùng với C1 đi ra ngoài chỗ dựng xe lấy con dao để dưới yên xe. H4 chạy xe mô tô

đến và được T1 rủ đi đến Đàng Lang tìm người đánh K. H4 đồng ý chạy xe về trả cho L3 và nhờ H5 chờ lại quán lẩu dê.

Cùng lúc, H đi đến quán lẩu dê, T1 nói H qua xe mô tô để T chờ. H3 đi vệ sinh xong, ra ngoài cùng với H ngồi lên xe của T. T1 chạy xe mô tô chở C1 đi trước, T6 chạy xe mô tô chở T5, D1 chạy xe mô tô chở Đ đi theo về hướng thôn N3. Còn H4 nhờ H5 chạy xe mô tô chở đến quán lẩu dê thấy nhóm của T1 đã đi, nên nói H5 chạy xe đuổi theo.

Nhóm của T1 đi được khoảng 150m gặp K chạy xe mô tô chở T4, H1; K nhờ T4 chạy xe về nhà và qua xe của T1 chở về hướng thôn N3. Do H5 phải về đi làm, nên H4 xuống xe nhờ Đàm Quang T3, sinh ngày 02 tháng 5 năm 1998 đang chạy xe trên đường chở đến thôn N3. Khi đến nhà ông S, T1 dừng xe lại để K đi vào hỏi D và biết được T3 đã đến Đàng Lang. T1, T, H, H3, D1, Đ, T5, T6 và H4 đến ngã 3 Đàng Lang dừng lại. H4 hỏi T1 “bây giờ làm sao?”, T1 nói “từ từ, đang tìm”, H4 nhìn thấy Nguyễn Văn C2 đang uống nước mía trong quán bên đường nên đi vào nói chuyện, còn D1 đi theo vào gặp Hoàng Thu T7 xin nước uống. K nói với T1 “nếu kiếm được thì đánh một trận còn không thì anh em mình đi uống cà phê”, rồi chạy xe của T1 đi đến một đám tiệc cách ngã 3 Đàng Lang khoảng 100m tìm T3, nhưng không thấy, nên chạy xe quay lại ngã ba Đàng Lang cùng với T1 (T1 đi bộ) đến quán cà phê của bà H2. Khi vào quán, K thấy một người thanh niên đang nằm ngủ trên võng giống T3, nên vỗ vào chân của T3 kêu “anh ơi”, T3 quay mặt ra. K nhận ra T3, liền chạy ra trước quán kêu lớn “anh ơi nó đây rồi”, rồi chạy quay lại dùng tay phải lấy dao ra từ túi quần, bật chốt chặn cho lưỡi dao bật ra. T1, C1, H, T, Đ chạy đến quán; thấy mọi người chạy về phía quán cà phê thì H3, T5, D1 và T6 cũng chạy đến đứng ngoài trước quán cà phê. T1 chạy đến chỗ K dựng xe trước quán, mở yên xe lấy con dao cùng với C1, H, Đ và T chạy vào để đánh T3. Khi T3 vùng đứng dậy định bỏ chạy, bị K dùng tay trái nắm sau lưng áo kéo lại, tay phải cầm dao đâm 02 nhát vào lưng của T3. T3 bỏ chạy ra đến khoảng sân giữa quán, bị T1 cầm con dao chém 01 nhát trúng tay phải, 01 nhát trúng lưng của T3, K đâm tiếp 02 nhát vào lưng của T3, còn H dùng tay đánh 01 cái trúng vào sau bả vai trái và nhặt một chiếc giày ném vào người T3. T dùng tay đánh trúng cùi chỏ cánh tay bên phải và C1 dùng hai tay đâm khoảng 03 cái vào mặt T3. Đ cầm vỏ chai nước ngọt đánh một cái vào người T3 làm vỡ chai ra khỏi tay rớt xuống đất vỡ chai thì bị một người đâm trúng vào tay trái chảy máu, nên Đ bỏ chạy ra ngoài. D1 chạy đến thấy tay Đ chảy máu, nên chạy đi lấy xe để chở Đ về. Còn T3 chạy vào buồng ngủ trong quán nhà bà H2, thì bị C1, T, H và K tiếp tục đuổi theo. K dùng chân đá hai cái vào chân và tay trái đâm 02 cái vào lưng T3. Chị H2 đứng cửa sau thấy T3 bị đánh la lên, T1 kêu cả nhóm ra lấy xe chạy trốn. T1 chở C1 và K, D1 chạy xe đến chỗ H và Nh, T6 chở Đ, T chở H3 bỏ chạy. H4 đang ở quán nước mía nói chuyện với C2, nghe tiếng người dân la lên, chạy đến quán cà phê của bà H2, thì thấy nhóm của T1 đang chạy ra ngoài đường lấy xe,

nên nhờ Đàm Văn T3 chở về. Còn Nguyễn Văn T3 được mọi người chở đến trạm xá xã N2 để cấp cứu, nhưng đã chết.

Ngay sau khi ghi gây án, K đưa con dao cho T6 cầm và đến công an xã N2 đầu thú. T6 đưa con dao lại cho T5 cất giữ. Còn T1 trên đường về đưa con dao cho C1 cất giữ, C1 nhờ Lê Thanh A và Điều C3 cất giấu. Đến sáng ngày 17/4/2016, T1 đến công an xã N2 đầu thú.

Tại kết luận giám định số 124 ngày 19/4/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Phước đã kết luận: Nguyễn Văn T3, sinh năm 1988 bị vật sắc, nhọn, bản mỏng đâm từ sau lưng vào lồng ngực gây thủng phổi, tràn khí – tràn máu khoang màng phổi, suy hô hấp cấp dẫn đến chết.

Quá trình điều tra đã thu giữ tại hiện trường: 01 con dao mã tấu dài 59cm, lưỡi dài 43cm, chỗ rộng nhất 6,6cm dạng một lưỡi sắc, cán dao bằng kim loại, là dao do bị can T1 sử dụng khi gây án và 01 con dao (loại dao gấp) dài 22,2cm, lưỡi dài 10,4cm, chỗ rộng nhất 1,7cm, trên lưỡi dao có chữ “STAINLES”, là con dao bị can K sử dụng khi gây án và một số vật chứng khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HSST ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tuyên xử:

Tuyên bố các bị cáo Đàm Văn T1, Đàm Văn K, Nguyễn Tiến Đ, Hoàng Văn H, Điều T và Điều C1 phạm tội: “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 69; khoản 1 Điều 74 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Điều T 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2016.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo Đàm Văn T1, Đàm Văn K, Nguyễn Tiến Đ, Hoàng Văn H và Điều C1, quyết định về trách nhiệm bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/6/2017 người đại diện hợp pháp cho bị cáo Điều T là ông Điều P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Điều T.

Ngày 26/5/2017 anh trai bị cáo là ông Điều C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Điều T.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp cho bị cáo Điều T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bào chữa chỉ định cho bị cáo thống nhất về tội danh điều, khoản áp dụng cho bị cáo. Luật sư cho rằng bị cáo là người dân tộc thiểu số, chưa thành niên, phạm tội do bị rủ rê, hoàn cảnh gia đình khó khăn mồ côi cha mẹ, tham gia với vai trò thứ yếu. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật hình sự, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định tòa sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật. Mức án 06 năm tù áp dụng cho bị cáo là tương xứng. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong hạn luật định ông Điều P và ông Điều C là người đại diện hợp pháp của bị cáo Điều T có đơn kháng cáo về hình thức được xem là hợp lệ và được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Điều T nhìn nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng: Đàm Văn K có mâu thuẫn với anh Nguyễn Văn T3, nên khoảng 13 giờ ngày 16/4/2016 bị cáo K gọi điện thoại rủ bị cáo T1 đi tìm đánh anh T3. Bị cáo T1 gọi điện thoại rủ bị cáo Điều C1 và bị cáo Hoàng Văn H. Bị cáo Điều C1 tiếp tục rủ bị cáo Điều T giúp bị cáo T1 đánh anh T3. Bị cáo Nguyễn Tiến Đ biết được nên cũng đi theo để giúp bị cáo T1 đánh nhau. Khi gặp anh T3 thì bị cáo K dùng dao gấp đâm nhiều nhát vào người T3, bị cáo T1 dùng dao tự chế chém vào tay và lưng của T3, bị cáo Đ dùng chai nước ngọt đánh vào người T3. Bị cáo C1, T, H dùng tay chân đánh vào người T3 dẫn đến tử vong. Xét lời khai của bị cáo T là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo K, T1, C1, H, Đ, phù hợp với Biên bản khám nghiệm tử thi có trong hồ sơ được xét hỏi C1 khai tại phiên tòa. Xét chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất giữa bị cáo K với người bị hại tại đám cưới đã được ngăn, nhưng bị cáo K vẫn gọi điện cho anh trai là bị cáo T1 đi tìm người bị hại để đánh trả thù, bị cáo T1 nhờ các bị cáo H, T, C1 đi đánh trả thù cho em mình. Các bị cáo Đ, H, T, C1 không có mâu thuẫn gì với người bị hại cũng tham gia đi tìm người bị hại để đánh. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính côn đồ xem thường pháp luật, xem thường sức khỏe tính mạng của người khác. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Đàm Văn K, Đàm Văn T1, Nguyễn Tiến Đ, Hoàng Văn H, Điều T và Điều C1 đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự

[4] Xét vai trò của bị cáo Điều T: Khi được bị cáo Điều C1 rủ đi đánh nhau giúp bị cáo T1 thì bị cáo T đồng ý. Khi người bị hại bị K và T1 đâm, chém bị cáo đã dùng tay đánh vào người bị hại T3. Như vậy, bị cáo đã tiếp nhận được ý chí của T1, chở bị cáo H đến đánh Nguyễn Văn T3, trực tiếp tham gia đánh

người bị hại, mặc dù không trực tiếp gây ra thương tích và hậu quả chết người nhưng bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò là đồng phạm với bị cáo K và T1 về tội “Giết người”. Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên (16 tuổi 3 tháng 7 ngày); Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo mồ côi cha và mẹ từ khi còn nhỏ nên thiếu sự chăm sóc giáo dục của cha mẹ, là người dân tộc thiểu số. Cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự. Mức án 06 năm tù mà tòa cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là không nặng.

[5] Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị cáo Điều T có thái độ ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo đưa ra tài liệu chứng cứ bị cáo có bác ruột tên Điều Q là liệt sĩ, bà nội của bị cáo tên Điều Thị R là gia đình liệt sĩ cách mạng gương mẫu, bác ruột tên Điều X được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất được chính quyền địa phương xác nhận ngày 06/6/2017.

[6] Ngoài ra, bị cáo Điều T là đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án, bị cáo chưa thành niên bị sự rủ rê của bị cáo Điều C1. Do đó, cần áp dụng thêm Nghị quyết số: 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14 giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị cáo Điều T. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 69; khoản 1 Điều 74 của Bộ luật hình sự năm 1999, Khoản 3 Điều 7, Nghị quyết số: 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14.

Xử phạt bị cáo Điều T: 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2016.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Điều T theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Thành

Trần Thị Hòa Hiệp

Phạm Trí Tuấn